

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HOÀNG MAI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 126/2021/HS-ST

Ngày 29/04/2021.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Chiều

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Phi Mạnh
2. Bà Trần Thị Kim Dung

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân
quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, Thành phố Hà
Nội tham gia phiên tòa:*** Bà Lương Thúy Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 04 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàng
Mai, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số:
74/2021/TLST - HS ngày 22 tháng 03 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét
xử số: 86/2021/QĐXXST - HS ngày 01 tháng 04 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: N. X. V, **sinh năm 1996;** hộ khẩu thường trú: Tổ 6
phường H. V. T, quận H. M, H. N; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn
giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; văn hóa: 12/12; họ tên bố: Nguyễn
Xuân S, sinh năm 1970; họ tên mẹ: Lê Thị T, sinh năm 1971; họ tên vợ: Lê
Quỳnh T, sinh năm 1995. Nhân thân bị cáo: Không tiền án, không tiền sự.

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 20/7/2020, đang áp dụng biện pháp ngăn chặn « Cấm đi khỏi nơi cư trú ». *Có mặt tại phiên tòa.*

2. Họ và tên: N. V. H, sinh năm 1995; hộ khẩu thường trú: Tổ X, phường H. V. T, quận H. M, H. N; chỗ ở: số 15, ngách 169/19119, đường Hoàng Mai, tổ 14 phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội ; quốc tịch: Việt Nam ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12 ; họ tên bố: Nguyễn Đình T, sinh năm: 1970; họ tên mẹ: Đoàn Thị Bích T, sinh năm 1971; Họ tên vợ: Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1996 và có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2017. Nhân thân bị cáo: Không tiền án, không tiền sự.

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 20/7/2020, đang áp dụng biện pháp ngăn chặn « Cấm đi khỏi nơi cư trú ». *Có mặt tại phiên tòa.*

Bị hại: Anh Trần Anh T, sinh năm 1995.

Nơi cư trú: phố Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội. *Có mặt tại phiên tòa.*

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Phan Nhật A, sinh năm 2000 - Địa chỉ: Trường Định, Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội. *Vắng mặt tại phiên tòa.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[1] Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội truy tố:

Anh Trần Anh Tuấn (sinh năm: 1995 - Địa chỉ: Số 27 ngõ 61/32 Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, Hà Nội) là bạn xã hội của Phan Nhật Anh (sinh năm: 2000 - Địa chỉ: Số 33 ngách 75/129 Trường Định, Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội). Khoảng tháng 6/2020, do quen biết từ trước nên Nhật Anh liên hệ và vay của N. X. V số tiền khoảng 20.000.000đồng. Anh Nhật Anh để lại chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave Alpha màu cam, BKS 29E1 - 113.55 cùng đăng kí xe cho anh Việt để làm tin, lúc nào anh Nhật Anh có tiền trả Việt thì sẽ lấy xe về (việc vay mượn không viết giấy tờ, không thỏa thuận về

tiền lãi). Sau đó, anh Nhật Anh không có tiền để trả lại cho Việt. Khoảng cuối tháng 6/2020, Việt hẹn anh Nhật Anh ra cầu Kim Đồng, phường Giáp Bát, Hoàng Mai, Hà Nội để nói chuyện về việc tiền anh Nhật Anh nợ Việt. Anh Nhật Anh có rủ anh Trần Anh Tuấn đi cùng đến gặp Việt. Tại đây, anh Nhật Anh đề nghị được trả tiền dần nhưng Việt không đồng ý. Việt yêu cầu anh Nhật Anh phải trả hết tiền, nếu không Việt sẽ bán xe của anh Nhật Anh đi. Anh Nhật Anh bảo nếu Việt bán xe đi thì coi như sang ngang, không nợ nần gì nữa. Sau đó, Việt đã bán chiếc xe của anh Nhật Anh với giá là 10.000.000đồng và vẫn tiếp tục đòi anh Nhật Anh số tiền 10.000.000đồng. Do vậy, giữa Việt và anh Nhật Anh nảy sinh mâu thuẫn. Việt biết anh Tuấn và anh Nhật Anh có quan hệ mật thiết với nhau, nên đã hẹn anh Tuấn để dàn xếp việc nợ tiền của anh Nhật Anh. Việt nghĩ ra việc yêu cầu anh Tuấn trả nợ thay cho anh Nhật Anh. Tuy nhiên, chỉ mình Việt thì khó có thể bắt anh Tuấn đồng ý trả tiền thay anh Nhật Anh nên Việt đã trao đổi việc này với N. V. H để Hưng đứng ra giúp Việt, tạo áp lực với anh Tuấn để buộc anh Tuấn phải đứng ra nhận nợ. Việt và Hưng thỏa thuận sẽ chia đôi số tiền 10.000.000đồng sau khi đòi được của anh Tuấn. Hưng đồng ý. Đến khoảng 21h00' ngày 17/07/2020, anh Trần Anh Tuấn đi cùng anh Bùi Đức Công (sinh năm: 1997 - Địa chỉ: Số 653 Giải Phóng, Giáp Bát, Hoàng Mai, Hà Nội) đến gặp N. X. V và N. V. H tại quán nước đầu ngõ Góc Đề, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Khi gặp anh Tuấn, Hưng và Việt nói chuyện để gán trách nhiệm anh Tuấn phải trả nợ cho anh Nhật Anh vì Việt nghĩ giữa anh Tuấn và anh Nhật Anh còn có sự ràng buộc về kinh tế với nhau, nên anh Tuấn mới đứng ra dàn xếp khoản nợ cho anh Nhật Anh. Sau khi anh Tuấn không đồng ý trả nợ thay cho anh Nhật Anh, thì Việt và Hưng tuyên bố với anh Tuấn là nếu không trả nợ, nhận nợ số tiền 10.000.000đ thì sẽ không được về. Để thể hiện sự quyết liệt cho anh Tuấn sợ, Hưng dọa anh Tuấn là nếu không trả 10.000.000đ thì sẽ lãnh đủ hậu quả (ý là sẽ đánh đập, xâm hại đến tính mạng, sức khỏe của anh Tuấn). Hưng nói thêm “‘‘Tao ra ngoài xã hội thì chỉ có tiền hoặc máu’’ (ý nói là anh Tuấn không trả tiền thì sẽ bị đổ máu với Việt và Hưng). Hưng và Việt tiếp tục giữ và đe dọa anh Tuấn phải viết giấy vay nợ

10.000.000đ, đặt cọc trước 2.000.000đ, sau 10 ngày nếu không trả thì phải trả thêm tiền lãi 50.000đ/1 triệu/1 ngày. Do không có đủ tiền, anh Tuấn đã đưa trước cho Việt số tiền 1.000.000đ. Hưng tiếp tục đe dọa anh Tuấn nếu sau 12 giờ ngày 18/07/2020, anh Tuấn không đưa nốt số tiền 1.000.000đ trong tổng số tiền 2.000.000đ tiền cọc thì cũng bị tính lãi số tiền 9.000.000đ còn lại (lãi 50.000đ/1 triệu/1 ngày). Sau đó, Việt và Hưng tiếp tục ép anh Tuấn viết giấy vay nợ để buộc anh Tuấn sau này phải trả nốt số tiền còn lại. Việt và Hưng tiếp tục giữ anh Tuấn, tuyên bố không cho anh Tuấn về. Đến khoảng 02h00' ngày 18/07/2020, anh Tuấn buộc phải viết giấy vay nợ cho Việt và hứa sẽ trả trong vòng 10 ngày. Sau khi anh Tuấn viết giấy vay nợ, Việt và Hưng cho anh Tuấn về. Trong quá trình xảy ra sự việc, khoảng 01h30' ngày 18/07/2020, anh Bùi Minh Công có gọi điện cho anh Nguyễn Xuân Tùng (sinh năm: 2000 - Địa chỉ: Số 109 Định Công, phường Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội) thông báo anh Tuấn đang bị một số đối tượng giữ tại quán nước khu vực ngõ Góc Đề, Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội. Anh Tùng bắt xe đến thì chứng kiến sự việc Hưng, Việt đe dọa, gây áp lực bắt anh Tuấn phải viết giấy vay nợ. Vì lo sợ bị tính lãi phải trả lãi hàng ngày, ngày 18/07/2020, anh Tuấn đã chuyển 1.000.000đ vào tài khoản ngân hàng Techcombank cho Việt. Vì lo sợ sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng nên anh Tuấn đã đi vay mượn, chuẩn bị số tiền 8.000.000đ và hẹn gặp Việt, Hưng lúc 21h00' ngày 20/07/2020 tại quán cà phê Hương, số 229 Đền Lừ, Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội để đưa tiền. Khi đến gặp Việt, Hưng, anh Tuấn có rủ thêm anh Phạm Đình Minh (sinh năm: 1998 - HKTT: ố 41 đường Đông Phôn, thị trấn Bát Xát, huyện Bát Xát, Lào Cai) đi cùng. Khi anh Tuấn đang đưa tiền cho N. V. H và N. X. V thì bị cơ quan Công an phát hiện, bắt quả tang, đưa về trụ sở làm việc. Cơ quan công an đã tạm giữ của Trần Anh Tuấn: 01 giấy biên nhận với nội dung anh Trần Anh Tuấn nhận số tiền 10.000.000đ của N. X. V để mua hộ xe máy Honda Wave, hẹn 10 ngày sau giao xe và giấy tờ, nếu không thì sẽ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Để làm tin, anh Tuấn đã cọc 2.000.000đ cho Việt; tạm giữ của N. X. V: số tiền 8.000.000đ.

Tại cơ quan điều tra, N. X. V và N. V. H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của Việt và Hưng phù hợp với lời khai của bị hại là anh Trần Anh Tuấn, những người làm chứng là anh Bùi Minh Công, anh Nguyễn Xuân Tùng, anh Phạm Đình Minh, người liên quan là anh Phan Nhật Anh và phù hợp với nội dung sự việc trên.

Tại bản cáo trạng số 72/CT-VKS-HM, ngày 17/03/2021 của Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội truy tố bị cáo N. X. V và N. V. H về “Tội cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự năm 2015.

[2] Tại phiên tòa:

Các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và thừa nhận Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội truy tố các bị cáo về “*Tội cưỡng đoạt tài sản*” là đúng người, đúng tội. Các bị cáo xin Hội đồng xét xử cho được hưởng án treo.

Kiểm sát viên nắm quyền công tố tại phiên tòa, giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về “Tội cưỡng đoạt tài sản” như bản cáo trạng. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội; các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự; vai trò, nhân thân của từng bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm đ khoản 1 Điều 32; Điều 38 và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo. Xử phạt N. X. V từ 20 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 40 đến 48 tháng tù về “*Tội cưỡng đoạt tài sản*”. Xử phạt N. V. H từ 18 đến 22 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 36 đến 44 tháng tù về “*Tội cưỡng đoạt tài sản*”. Miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Trách nhiệm dân sự đã được giải quyết nên không xem xét.

[3] Phần tranh luận tại phiên tòa: Các bị cáo thừa nhận Kiểm sát viên luận tội đối với hành vi phạm tội của mình là đúng, bị cáo chỉ xin được hưởng án treo, ngoài ra các bị cáo không tranh luận gì khác.

[4] Lời nói sau cùng của bị cáo:

Bị cáo N. X. V: “Tôi lần đầu phạm tội, do hiểu biết pháp luật kém, một phần do bị cáo mong muốn đòi được tiền cho vay nên đã phạm tội. Bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho tôi được hưởng án treo, tôi hứa không bao giờ tái phạm”.

Bị cáo N. V. H: “Tôi rất hối hận về hành vi phạm tội của mình, tôi bộc phát, bị bạn rủ rê, thiếu suy nghĩ. Tôi xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho tôi được hưởng án treo, cải tạo ngoài xã hội. Tôi hứa không bao giờ tái phạm”.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Hoàng Mai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Xét về hành vi vi phạm bị truy tố:

Khoảng 02 giờ 00 phút ngày 18/7/2020, tại khu vực quán nước đầu ngõ Gốc Đề, phố Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Hà Nội, N. X. V và N. V. H đã có hành vi cưỡng đoạt tài sản là số tiền 10.000.000đ của anh Trần Anh Tuấn. Anh Tuấn trả trước cho Hưng và Việt số tiền 2.000.000đ. Khoảng 21h00’ ngày 20/7/2020, khi anh Trần Anh Tuấn giao tiếp số tiền 8.000.000đ cho Hưng và Việt tại quán café Hương, số 229 Đền Lừ, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội thì bị cơ quan công an bắt quả tang và thu giữ tang vật. Số tiền 10.000.000đ hiện đã trả lại anh Trần Anh Tuấn. Anh Tuấn không có yêu cầu gì khác về dân sự.

Các bị cáo đều trên 18 tuổi, là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, do đó cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng

Mai, Thành phố Hà Nội truy tố bị cáo về tội danh và điều luật đã viện dẫn là đúng người, đúng tội.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Xét hành vi cưỡng đoạt tài sản mà các bị cáo đã thực hiện có tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội lớn, xác định đây là tội phạm nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo về hình thức là nguy hiểm đã đe dọa, uy hiếp tinh thần của bị hại nhằm chiếm đoạt tài sản; xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, được pháp luật bảo vệ; ngoài ra còn gây ảnh hưởng xấu tới tình hình trật tự, an toàn xã hội nói chung; làm mất lòng tin giữa con người với nhau; đồng thời có thể là nguyên nhân dẫn đến những hành vi vi phạm pháp luật khác nghiêm trọng hơn. Do vậy, cần phải xử lý các bị cáo nghiêm bằng pháp luật hình sự và áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn, tương xứng đối với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Song, qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đặc biệt qua phân tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về nhân thân của các bị cáo; các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo N. X. V, N. V. H không có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú rõ ràng; quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã tỏ rõ thái độ thành khẩn, ăn năn hối cải; các bị cáo đã bồi thường trả đủ bị hại số tiền 2.000.000đ chiếm đoạt, bị hại không còn yêu cầu nào khác. Do vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 cho các bị cáo. Ngoài ra, cần áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, như: bị hại có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho các bị cáo; được thân nhân gia đình bảo lãnh.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Các bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ như nêu trên và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Do vậy, Hội đồng xét xử cần mở lượng khoan hồng của pháp luật; truyền thống nhân văn cao đẹp của Đảng và Nhà

nước ta... có thể áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 cho các bị cáo hưởng “án treo” cũng đủ trừng trị người phạm tội, đồng thời vẫn đảm bảo sự răn đe, phòng ngừa chung.

Đối với tội phạm (cưỡng đoạt tài sản) xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản, ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Hội đồng xét xử, xét bị cáo không có công việc và thu nhập ổn định, không có tài sản riêng lớn và bị bệnh động kinh nên không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung, do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[4] Biện pháp tư pháp: Các bị cáo N. X. V, N. V. H đã trả lại bị hại toàn bộ tài sản chiếm đoạt, bị hại không có yêu cầu nào khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Án phí: Các bị cáo N. X. V, N. V. H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm đ khoản 1 Điều 32; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 để áp dụng đối với các bị;

Căn cứ vào các Điều 106; 136; 331; 332; khoản 4 Điều 328 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hình phạt:

1.1. Xử phạt bị cáo N. X. V **20 (hai mươi)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách **40 (bốn mươi)** tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về “*Tội cưỡng đoạt tài sản*”.

1.2. Xử phạt bị cáo N. V. H **18 (mười tám)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách **36 (ba mươi sáu)** tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về “*Tội cưỡng đoạt tài sản*”.

Giao các bị cáo N. X. V, N. V. H cho Ủy ban nhân dân phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự”.

1.3. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

2. Về án phí: Bị cáo N. X. V và N. V. H mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (vắng mặt tại phiên tòa) có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./

Nơi nhận:

.....
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Quang Chiêu